

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công; số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);

Căn cứ Nghị Quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026-2030.

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3352/TTr-SCT ngày 18/6/2026; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Khuyến công trên địa bàn thành phố năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xây dựng Kế hoạch thực hiện các nội dung khuyến công địa phương năm 2026 theo Chương trình Khuyến công thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 10/4/2026; nhằm khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, hiệu quả và bền vững. Đồng thời góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

b) Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công về ứng dụng khoa học, đổi mới sáng tạo, công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng các sản phẩm CNNT, tạo năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh; đồng thời tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, thúc đẩy sự phân công lao động hợp lý và góp phần xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

c) Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, công nghệ số nhằm thay đổi mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh truyền thống để tạo ra cơ hội, sản phẩm, doanh thu và giá trị mới trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

d) Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng đầu tư ngành nghề có thế mạnh của thành phố, phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm CNNT tiêu biểu, sản phẩm tiềm năng của địa phương; gắn với định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công, phù hợp với Kế hoạch Khuyến công thành phố được duyệt, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; Ưu tiên các cơ sở CNNT tại địa bàn khó khăn, vùng nông thôn, đặc khu, xã đảo.

c) Nội dung nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện, đề án khuyến công phải bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về khuyến công, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và Chương trình khuyến công thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

d) Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2026 được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các cơ sở CNNT. Hiệu quả thực hiện Kế hoạch phải gắn với việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu ngân sách địa phương.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2026:

1. Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu (theo khoản 21 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm CNNT gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính và các hoạt động xúc tiến thương mại khác. Dự kiến hỗ trợ 02 phòng trưng bày cho 02 cơ sở CNNT.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 80.000.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

2. Tổ chức, tham gia Hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trong nước (theo Khoản 5, Điều 2, Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Nội dung thực hiện:

Tổ chức tham gia gian hàng triển lãm sản phẩm CNNT tiêu biểu thành phố Hải Phòng tại Hội chợ triển lãm sản phẩm CNNT tiêu biểu tại tỉnh Hà Tĩnh.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 123.073.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

3. Tổ chức mạng lưới công tác viên khuyến công Hải Phòng (theo khoản 20 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Nội dung thực hiện:

Tổ chức mạng lưới công tác viên khuyến công tại các xã, đặc khu thành phố Hải Phòng.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 413.600.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

4. Tổ chức thông tin tuyên truyền hoạt động khuyến công (theo khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Nội dung thực hiện:

Xây dựng chương trình thông tin tuyên truyền công tác khuyến công trên truyền hình, truyền thanh, Báo in, Báo điện tử.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 200.000.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

5. Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ, chuyển giao công nghệ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho cơ sở CNNT tiếp cận công nghệ mới, thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Dự kiến hỗ trợ khoảng 15 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tập trung ưu tiên các cơ sở có sản phẩm CNNT tiêu biểu và các ngành trọng điểm của thành phố như: ngành chế biến nông sản, chế biến thủy sản, sản xuất đồ gỗ, cơ khí, may mặc; sản xuất hàng tiêu dùng... (trong quá trình triển khai thực hiện, số lượng đề án có thể được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối kinh phí nhưng CNNT không vượt dự toán kinh phí được giao).

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 3.430.000.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

6. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công (theo khoản 9 Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

- Dự kiến tổ chức 01 lớp tập huấn về nghiệp vụ cộng tác khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công tại các xã, đặc khu trên địa bàn thành phố.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến là 40.000.000 - đồng.

c) Thời gian thực hiện: năm 2026.

d) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương;

e) Cơ quan phối hợp: Các sở ngành có liên quan, UBND các xã, đặc khu và các cơ sở CNNT.

7. Quản lý chương trình, đề án khuyến công (theo khoản 22 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

a) Kinh phí thực hiện: 168.327.000 đồng.

b) Thời gian thực hiện: năm 2026.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

- Nguồn ngân sách thành phố cấp cho hoạt động khuyến công đã được phân bổ cho Sở Công Thương năm 2026 tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

- Tổng kinh phí ngân sách thành phố hỗ trợ để triển khai các Đề án, Chương trình và chi quản lý Chương trình khuyến công địa phương năm 2026 là: 4.455.000.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*) (*Chi tiết tại Phụ lục gửi kèm theo*).

- Nguồn kinh phí đối ứng của doanh nghiệp theo quy định.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đề án xây dựng các nhiệm vụ, đề án chi tiết theo Kế hoạch đã được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, đúng mục đích, yêu cầu.

b) Tổ chức thẩm định các đề án khuyến công địa phương năm 2026 theo quy định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định các đề án khuyến công; kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương) theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có).

4. Kho bạc Nhà nước khu vực III

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ của chương trình, đề án theo quy định thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu

a) Thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình, nhu cầu hỗ trợ về khuyến công của các cơ sở sản xuất trên địa bàn; Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp, hướng dẫn các đơn vị, các cơ sở CNNT tham gia đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương.

b) Phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ quan liên quan trong việc khảo sát, kiểm tra, nghiệm thu và giám sát tình hình thực hiện trên địa bàn quản lý.

6. Các đơn vị thực hiện đề án

a) Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công.

b) Các đơn vị thực hiện đề án căn cứ theo nội dung của Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương năm 2026 theo yêu cầu; chịu trách nhiệm quản lý, đánh giá việc thực hiện đề án được hỗ trợ; hướng dẫn, ký kết hợp đồng tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công đã được phê duyệt.

c) Tổng kết, báo cáo kết quả hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương theo quy định.

7. Các cơ sở CNNT

Phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch, đề án hỗ trợ kinh phí khuyến công đúng tiến độ, nội dung hỗ trợ, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và có hiệu quả.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc phát sinh vướng mắc, các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan kịp thời có Văn bản gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- CT, PCT UBND TP Hoàng Minh Cường;
- Các cơ quan, đơn vị trong Kế hoạch;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng XD&CT, NV&KTGS;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC

Tổng hợp kinh phí Kế hoạch khuyến công thành phố Hải Phòng năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Nội dung và chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
I	Khuyến công địa phương			4.286.673.000
1	Đề án: Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu	Cơ sở	2	80.000.000
2	Đề án: Tổ chức gian hàng triển lãm sản phẩm CNNT tiêu biểu thành phố Hải Phòng tại Hội chợ triển lãm sản phẩm CNNT tiêu biểu tại tỉnh Hà Tĩnh	Kỳ HCTL	1	123.073.000
3	Đề án: Tổ chức mạng lưới công tác viên khuyến công Hải Phòng	Năm	1	413.600.000
4	Đề án: Xây dựng chương trình thông tin tuyên truyền công tác khuyến công trên truyền hình, truyền thanh, Báo in, Báo điện tử	Năm	1	200.000.000
5	Đề án: Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	15	3.430.000.000
6	Đề án: Tập huấn nghiệp vụ công tác khuyến công	Lớp	01	40.000.000
II	Chi quản lý chương trình đề án khuyến công			168.327.000
1	Sở Công Thương			66.825.000
2	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			101.502.000
	Tổng cộng (I+II):			4.455.000.000